

ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS VÀ THPT ĐOÀN KẾT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định)

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1. Đặc điểm, tình hình:

- Tên trường, địa chỉ, trụ sở, website :
- + Tên đơn vị: Trường THPT Đoàn Kết
- + Địa điểm trụ sở chính: Xã Trung Đông, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định.
- + Số điện thoại: 0917834344

Trang web: <http://thpt-doanket.namdinh.edu.vn/>

b) Quá trình thành lập và phát triển:

- *Quá trình thành lập:*

Trường Trung học phổ thông tư thục Đoàn Kết được thành lập theo Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 29/11/2006 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nam Định. Đến ngày 22/05/2012 UBND tỉnh Nam Định ra Quyết định số: 703/ QĐ-UBND đổi tên trường từ Trường THPT tư thục Đoàn Kết thành tên Trường THPT Đoàn Kết nhưng vẫn thuộc loại hình ngoài công lập.

* *Cơ sở vật chất:*

Tổng diện tích của nhà Trường là 13.200m². Hiện nay cơ sở vật chất nhà trường đã cơ bản hoàn thiện theo hướng hiện đại với 2 dãy nhà với 12 phòng học và các phòng chức năng , phòng làm việc với tiện nghi, kang trang, xanh, sạch, đẹp; các phòng học được trang bị tiện nghi phục vụ hoạt động dạy và học đáp ứng chương trình giáo dục, phổ thông 2018. *(Chi tiết trong Phụ lục đính kèm).*

Về quy mô, kết quả giáo dục: Từ ngày đầu thành lập tính đến nay đã có 1.143 học sinh tốt nghiệp ra trường.. Năm học 2012-2013 đội tuyển học sinh giỏi của nhà Trường đã có học sinh đạt giải; trong đó có em Hoàng Thanh Bình đạt giải 3 môn ngữ văn. Từ năm học 2014-2020 nhiều học sinh đã đạt được những thành tích cao trong các Hội thi văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao hội khỏe phù đổng của cụm, của Trường và huyện.Trường nhiều năm liền được công nhận là tập thể lao động tiên tiến. Cơ quan được công nhận là đơn vị văn hóa, Công đoàn liên tục được công nhận là là đơn vị vững mạnh xuất sắc, Đoàn thanh niên được Trung ương Đoàn, tỉnh Đoàn nhiều năm tặng bằng khen và được tôn vinh là đơn vị dẫn đầu về công tác Đoàn và phong trào thanh niên của huyện.

Về đội ngũ: Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 25 đồng chí; trong đó CBQL: 01, giáo viên 19 (trong đó có 05 GV thỉnh giảng), nhân viên 05; 100% CB-GV có trình độ đạt chuẩn, trong đó trình độ trên chuẩn 01 đồng chí, tỷ lệ 4.35 % . *(Chi tiết trong Phụ lục 2 đính kèm).*

c) Điểm mạnh:

- Nhà Trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo; Huyện Ủy và UBND huyện Trục Ninh; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Trục Ninh cùng với các ban ngành đoàn thể trong Huyện; đặc biệt là sự phối hợp của Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà Trường.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên:

+ Hội đồng quản trị, Ban giám hiệu đoàn kết luôn chủ động sáng tạo trong công tác quản lý, tổ chức và điều hành.

+ Tập thể đội ngũ giáo viên, nhân viên nghiêm túc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của ngành giáo dục.

+ Giáo viên cơ hữu gồm các thầy cô có trình độ chuyên môn tốt, năng động, sáng tạo, nhiệt tình, luôn có ý thức học hỏi và quyết tâm nâng cao tay nghề; có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ thông tin. Chất lượng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới đổi mới giáo dục.

- Học sinh:

+ Đa số các em học sinh ngoan, có ý thức, động cơ học tập đúng đắn ; có nhiều học sinh tích cực, năng nổ, biết vươn lên trong học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường.

+ Đa số học sinh được sự quan tâm của gia đình và địa phương.

- Nề nếp, kỷ cương của nhà trường được duy trì ngày càng tốt.

d) Điểm yếu

- Giáo viên: Giáo viên cơ hữu còn trẻ, kinh nghiệm quản lý học sinh còn hạn chế .

- Học sinh: Trường có điểm xét tuyển đầu vào còn thấp so với các trường trong huyện, trong tỉnh gây khó khăn trong công tác bồi dưỡng, nâng cao chất lượng học sinh có năng khiếu các môn văn hóa (Học sinh giỏi).

- Cơ sở vật chất: Trường hoạt động theo cơ chế trường ngoài công lập nên trang thiết bị phục vụ cho dạy và học còn hạn chế. Một số thiết bị, đồ dùng dạy học còn thiếu đồng bộ.

Các yếu tố trên là một rào cản lớn trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

e) Cơ hội và thách thức:

** Thời cơ*

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định; sự chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp, các cơ quan, ban ngành của tỉnh, của huyện. Đặc biệt, cha mẹ học sinh luôn tin tưởng, ủng hộ, đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục.

Huyện Trục Ninh đã có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế xã hội. Sự phát triển về kinh tế tạo tiền đề cho văn hóa phát triển, đời sống vật chất và tinh thần, trình độ dân trí của người dân không ngừng nâng lên , nhân dân có điều kiện để đầu tư cho con em học tập.

Thời đại công nghệ 4.0, với sự phát triển mạnh mẽ của CNTT đã có những ảnh hưởng tích cực tới công tác quản lý, lãnh đạo điều hành, công tác dạy và học của ngành giáo dục nói chung và trường THPT Đoàn Kết nói riêng.

Những năm học gần đây chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường đang có những chuyển biến, khởi sắc.

** Thách thức*

- Kinh tế vùng:

Trường THPT Đoàn Kết, huyện Trục Ninh, hiện nay đóng tại - Xã Trung Đông, huyện Trục Ninh. Học sinh của trường chủ yếu là con em của huyện Trục Ninh và Nam Trục, dân cư đa số làm nông nghiệp, thủ công và công nhân nên kinh tế còn gặp nhiều khó khăn.

Công tác xã hội hóa của nhà trường chưa có triển vọng, chưa thực hiện được trong những năm gần đây.

- Vị trí địa lý:

Trường nằm ở khu vực giáp danh giữa xã Trung Đông và thị trấn Cổ Lễ, tuyến đường giao thông quốc lộ 21 giao cắt phức tạp, tâm lý của nhiều cha mẹ học sinh lo ngại về sự an toàn của học sinh trong việc đi lại.

- Xã hội :

Yêu cầu của xã hội đối với chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng cao đặc biệt trong giai đoạn tiền đề để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Cơ sở vật chất của Trường chỉ đáp ứng yêu cầu tối thiểu, đầu tư trang thiết bị chưa đồng bộ; chưa có nhà tập đa năng và các phòng đa chức năng nên khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động chung ngoại khóa và hoạt động trải nghiệm.

Nhà trường tự chủ về kinh phí, nguồn lực và tự chịu trách nhiệm nên vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với nhà trường trong tình hình hiện nay.

f) Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị

- *Tầm Nhìn:* Trở thành một hệ thống trường ngoài công lập có chất tốt, uy tín trong huyện; Giáo dục học sinh có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, có nhân cách và trí tuệ tiến tới làm chủ được cuộc sống bản thân.

- *Sứ mệnh:* Quyết tâm xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh, kỷ cương với đội ngũ nhà giáo tâm huyết, đoàn kết nhất trí để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển toàn diện về nhân cách và trí tuệ.

- *Giá Trị Cốt Lõi (3S-2N):* Siêng năng – Sáng tạo – Sức khỏe – Nhân ái – Năng động

Nhận thức: Chất lượng giáo viên chưa phải là tất cả mà đó còn phải là môi trường đào tạo, phương pháp đào tạo, điều kiện cơ sở vật chất...mới có thể có được một sản phẩm giáo dục tốt.

g) Mục tiêu chiến lược

* Mục tiêu chung:

Trường THPT Đoàn Kết phấn đấu hiện nay và những năm tiếp theo phải thực hiện được các mục tiêu chiến lược sau:

- Tiếp tục tổ chức triển khai việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; xây dựng xã hội học tập; đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

- Quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp do Bộ GDĐT ban hành; thực hiện tốt chế độ, chính sách cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Xây dựng nhà trường trở thành một địa chỉ giáo dục có uy tín và chất lượng giáo dục.

- Phấn đấu là trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình trường tư thục có chất lượng giáo dục tốt, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Nhà trường quyết tâm duy trì và nâng cao khối đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động.

- Xây dựng nhà trường có môi trường học tập tốt; đa dạng các hoạt động phong trào thi đua dạy và học, tăng cường giáo dục, đạo đức lối sống cho học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực

- Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông. Biết cách học và tự học, có ý thức tự giác, có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc .

* Mục tiêu cụ thể:

- Tổ chức và quản lý nhà trường:

- + *Lớp học:*

Đảm bảo đủ các khối lớp của cấp học: dạy theo chương trình giáo dục phổ thông.

Số phòng học: 12 với đầy đủ trang thiết bị.

Sĩ số: 45 học sinh/lớp.

- + *Chuyên môn, nghiệp vụ:*

Giao quyền chủ động cho tổ chuyên môn, giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch dạy học theo chương trình phổ thông hiện hành theo định hướng đổi mới phát huy tốt năng lực, phẩm chất của học sinh.

Tổ chuyên môn chủ động đưa các chủ đề tích hợp trong môn học hoặc các chủ đề tích hợp liên môn vào dạy học,

Lập kế hoạch chi tiết và cụ thể tham gia các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường, ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập, hỗ trợ học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm.

Lập kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi giáo viên và của cả tổ chuyên môn; đạt các quy định về đào tạo, bồi dưỡng.

- + *Hành chính, văn phòng, hội đồng Trường, đoàn thể:*

Đổi mới phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả nhằm thực hiện và phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường.

Quản lý hệ thống hồ sơ, sổ sách của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học và những quy định trong hướng dẫn sử dụng của từng loại sổ.

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học;

Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường được công nhận vững mạnh về tổ chức, có nhiều đóng góp trong các hoạt động đối với địa phương.

+ *Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.*

Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học; Có đủ giáo viên các bộ môn đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định, trong đó ít nhất 5 % giáo viên đạt trình độ trên chuẩn; có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học.

- Về mức độ phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc chương trình năm học

+ Kết thúc chương trình năm học, học sinh các lớp đạt được các phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Học sinh được phát triển các năng lực: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực ngôn ngữ, tính toán, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

+ Khối 10, 11 lên lớp: 100% kể cả học sinh thi lại và rèn luyện trong hè, không có HS lưu ban;

+ Khối 12: 100% HS đủ điều kiện được dự thi TN THPT ;100% đỗ tốt nghiệp

+ Xếp loại học lực:

Đối với khối 11, 12: Khá, Giỏi: 50% trở lên trong đó học lực Giỏi: 5 - 10 % trở lên;

Đối với khối 10: Mức Khá, Tốt đạt 50% trở lên trong đó mức Tốt đạt 10% trở lên; mức Xuất sắc đạt 5% trở lên.

+ Về lao động: 100% học sinh hoàn thành nghĩa vụ lao động và rèn luyện; Các lớp học nghề phổ thông: 100% học sinh lớp 11 được học và thi đỗ, phần đầu đạt 98% khá, giỏi.

- Về số lượng, chất lượng các hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học.

+ Thực hiện đúng, đủ chương trình, kế hoạch dạy và học quy định Bộ GDĐT; bảo đảm chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện và hoàn thành chương trình theo quy định.

+ Đảm bảo 100 % giáo viên thực hiện quy chế chuyên môn.

+ Đạt 100% giáo viên xếp loại khá, tốt về nề nếp chuyên môn.

+ 100% giáo viên sử dụng tối đa thiết bị, thí nghiệm theo kế hoạch sử dụng thiết bị, thí nghiệm; mỗi nhóm chuyên môn có ít nhất một thiết bị dạy học tự làm trong năm.

+ 95 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp GVTrH từ khá trở lên. Trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

- + Cán bộ giáo viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến; đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở tỷ lệ tối đa theo quy định.
- + Tổ chuyên môn đạt danh hiệu lao động tiên tiến theo quy định.
- + Công đoàn trường đạt danh hiệu cơ sở vững mạnh.
- + Đoàn trường đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến xuất sắc.
- + Trường phấn đấu đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.
- + 100% các đồng chí giáo viên cơ hữu của Trường tham gia hoạt động chuyên môn Cụm các trường THPT huyện Trực Ninh hiệu quả, thiết thực.
- + Tham gia các cuộc thi hội thi do cấp trên phát động theo khả năng và điều kiện thực tế của nhà trường.
- + Giáo viên tổ chức hoạt động dạy học, xây dựng quan hệ thầy trò thân thiện, tham gia tích cực thực hiện phong trào xây dựng “*Trường học xanh, sạch đẹp, an toàn*”.
- + Nhà trường chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, tổ chức ở địa phương thực hiện những biện pháp nhằm thực hiện chủ trương và kế hoạch phát triển giáo dục địa phương.
- + Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh,
- + Xây dựng kế hoạch bổ sung, sửa chữa trang thiết bị dạy học để phục vụ cho các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện của nhà trường.

2. Quy mô trường lớp (số lớp, số học sinh từng khối)

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Khối 10		Khối 11		Khối 12	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2018 - 2019	8	292	3	101	3	106	2	76
2019 - 2020	7	254	1	50	3	101	3	103
2020 - 2021	6	234	2	90	1	41	3	103
2021 - 2022	6	268	3	143	2	86	1	39
2022 - 2023	7	301	2	81	3	136	2	84
2023 – 2024 (Dự kiến)	9	397	4	180	2	81	3	136

3. Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

Trình bày theo các nội dung của Phụ lục 9, 10, 11, 12 của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

(GDĐT) về thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (có bảng đính kèm đề án)

- Kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm:

Năm học	Tổng số học sinh	Học lực (tỷ lệ %)				Hạnh kiểm (tỷ lệ %)			
		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Tốt	Khá	TB	Yếu
2020 - 2021	234	1	77	146	10	198	35	1	
2021 - 2022	268	5	107	136	20	227	40	1	
2022 - 2023 (Kỳ I)	301	5	119	159	18	250	51		

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT các cuộc thi, hội thi:

Năm học	Thi tốt nghiệp THPT		Các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh			
	Điểm trung bình	Xếp thứ trong tỉnh	Thi HSG văn hóa	Hùng biện tiếng Anh	Sáng tạo KHKT	Các cuộc thi khác..
2020-2021	5.908	53				
2021-2022	6.315	46				
2022-2023						

PHẦN II. THÔNG TIN TUYỂN SINH

I. Thông tin tuyển sinh vào lớp 10 của 3 năm gần nhất:

Năm học	Phương thức tuyển sinh	SL hồ sơ đăng kí xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh	Điểm xét tuyển	Số lượng thí sinh trúng tuyển
2020-2021	Xét tuyển	90	90	7.25	90
2021-2022	Xét tuyển	163	135	15	158
2022-2023	Xét tuyển	89	180	10.6	87

II. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình GDTX, trong độ tuổi theo quy định hiện hành của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Học sinh đăng kí thi ở các trường THPT công lập nhưng có nguyện vọng học tại trường THPT Đoàn Kết.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 04 lớp (180 học sinh)

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển những học sinh có nguyện vọng nộp hồ sơ học tại trường theo 02 phương thức sau:

a) Phương thức 01:

- Chỉ tiêu 180 học sinh

- Điều kiện đăng ký xét tuyển

+ Học sinh bắt buộc phải tham gia kì thi vào lớp 10 năm 2023 của tỉnh Nam Định.

+ Xét tuyển dựa trên điểm thi vào lớp 10 do Sở GDĐT Nam Định tổ chức đối với những thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào học tại trường THPT Đoàn Kết.

+ Xét tổng điểm từ: 7.50 điểm trở lên (*đã tính hệ số*), trong đó không có môn nào bị điểm 0.

+ Căn cứ danh sách thí sinh đủ điều kiện xét trúng tuyển, lấy trúng tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu được giao hoặc hết nguồn thí sinh có đủ điều kiện.

+ Trường hợp thí sinh có tổng điểm bằng nhau, Hội đồng tuyển sinh của nhà trường dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 9 của 2 môn Ngữ văn, Toán học trong học bạ để xét tuyển.

b) Phương thức 02:

- Chỉ tiêu: Số chỉ tiêu còn lại (nếu có) trong số 180 chỉ tiêu xét tuyển ở phương thức xét tuyển thứ nhất.

- Điều kiện đăng ký xét tuyển

Xét tuyển học bạ THCS đối với:

Thí sinh đã tham gia kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 do Sở GDĐT Nam Định tổ chức nhưng không trúng tuyển ở phương thức tuyển sinh 1.

Thí sinh không tham gia kì thi tuyển sinh vào lớp 10 do Sở GDĐT Nam Định tổ chức.

Thí sinh của các tỉnh khác có nguyện vọng học tại Trường THPT Đoàn Kết.

- Cách tính điểm xét tuyển: Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh THCS được tính như sau:

- + Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 10 điểm.
- + Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 9,0 điểm.
- + Hạnh kiểm khá, học lực khá: 8,0 điểm.
- + Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 7,0 điểm.
- + Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 6,0 điểm.
- + Các trường hợp còn lại: 5,0 điểm.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 04 năm học ở THCS và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên. Những học sinh có nhiều chế độ ưu tiên khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại ưu tiên cao nhất. Chế độ cộng điểm ưu tiên thực hiện cho các loại đối tượng căn cứ vào khoản 2, Điều 7 của Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ GDĐT.

- Nguyên tắc xét tuyển: xét theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có điểm trung bình các môn học cả năm ở lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình của môn Toán, môn Ngữ văn và môn Tiếng Anh cả năm ở lớp 9 cao hơn. Nếu vẫn còn trường hợp bằng điểm nhau thì Hội đồng tuyển sinh nhà trường đề nghị với Sở GDĐT được lấy hết số thí sinh này.

4. Nguyên tắc tuyển sinh

- Tuyển sinh theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục và chỉ tiêu phân luồng học sinh sau THCS;
- Chỉ xét tuyển đối với thí sinh có nguyện vọng nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào trường.
- Tuyệt đối không bố trí số học sinh/lớp vượt quá quy định của Bộ GDĐT.

5. Tuyển thẳng và chế độ ưu tiên: Theo Kế hoạch Tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024 được Ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Nam Định.

6. Hồ sơ tuyển sinh

a) Phương thức 01:

- Toàn bộ hồ sơ dự thi gốc đã thi ở các trường THPT kì thi vào 10 THPT năm 2023.
- Phiếu xác nhận điểm thi (*Do trường THPT thí sinh đã dự thi cấp*).

b) Phương thức 02:

- Đơn đăng ký xét tuyển vào trường THPT Đoàn Kết.
- Bản sao giấy khai sinh.

- Bản phô tô công chứng bằng tốt nghiệp THCS hoặc bản chính giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời chương trình phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp THCS trong năm dự tuyển.

- Học bạ Trung học cơ sở bản chính.

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có) theo các quy định chế độ ưu tiên tại Quyết định số 581/QĐ- UBND ngày 15/3/2021 của UBND Tỉnh Nam Định). *Yêu cầu xuất trình bản gốc của các giấy tờ trên để kiểm tra.*

- 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm (kiểu ảnh chứng minh nhân dân).

7. Tổ chức tuyển sinh :

- Sau khi được sở giáo dục đào tạo phê duyệt đề án tuyển sinh năm học 2023-2024 nhà trường tiến hành công khai đề án trên trang web của trường: <http://thpt-doanket.namdinh.edu.vn/> theo quy định.

- Sau khi các trường THPT công lập công bố điểm và xét tuyển xong đợt 1 nhà trường sẽ có thông báo, hướng dẫn tuyển sinh và công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử nhà trường và trên bảng tin tại nhà trường để phụ huynh và học sinh được biết.

PHẦN 3.

THÔNG TIN VỀ MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC TỪ NGƯỜI HỌC

1. Công khai về các mức thu, các khoản thu chính

STT	Nội dung		Số tiền	Ghi chú
I	Học phí	Lớp 10 (Năm học 2023-2024)	650.000 đồng/tháng/1HS	Thu 9 tháng theo đợt; chia làm 03 đợt mỗi đợt 03 tháng.
		Lớp 11 (Năm học 2024-2025)	650.000 đồng/tháng/1HS	
		Lớp 12 (Năm học 2025-2026)	700.000 đồng/tháng/1HS	
II	Các khoản thu hộ (bắt buộc theo quy định của nhà nước)			
1	Bảo hiểm y tế		Theo hướng dẫn của BHYT huyện Trực Ninh	
2	Đoàn phí		Thu theo hướng dẫn của Huyện Đoàn Trực Ninh	Khối 10, 11 (Cả năm) Khối 12 (9 tháng)
III	Học thêm		5.000 đồng/HS/tiết (4 tiết/buổi)	
IV	Các khoản thu khác : đồng phục, vở viết		Thu theo thỏa thuận trên tinh thần tự nguyện của cha mẹ học sinh.	

2. Một số chế độ khuyến khích học sinh học tập tại trường trong năm học 2023-2024.

- Học sinh nộp hồ xét tuyển vào trường THPT Đoàn Kết dựa trên kết quả thi vào lớp 10 do Sở GDĐT Nam Định tổ chức, nếu đạt 32.50 điểm trở lên sẽ được hỗ trợ 100% học phí của 3 năm học (*lớp 10, 11,12*). Được nhà trường tặng 01 bộ sách giáo khoa lớp 10.

- Học sinh nộp hồ xét tuyển vào trường THPT Đoàn Kết dựa trên kết quả thi vào lớp 10 do Sở GDĐT Nam Định tổ chức, nếu đạt từ 27.00 đến dưới 32.50 điểm sẽ được hỗ trợ đóng học phí: 90.000 đồng/tháng (*như công lập*) của năm học lớp 10. Cuối năm học nếu đạt học sinh giỏi thì tiếp tục được hưởng chế độ trên.

- Học sinh con thương binh, con liệt sĩ được miễn giảm, cấp bù học phí theo quy định của nhà nước. Được nhà trường tặng 01 bộ sách giáo khoa lớp 10.

PHỤ LỤC 1
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông Đoàn Kết,
năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	TS: Số HS: 180	Theo quy định của Sở GD&ĐT Nam Định	Theo quy định của Sở GD&ĐT Nam Định
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh năng động, chuyên cần, tích cực, chủ động trong học tập	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh năng động, chuyên cần, tích cực, chủ động trong học tập	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh năng động, chuyên cần, tích cực, chủ động trong học tập
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động giáo dục NGLL, hướng nghiệp dạy nghề, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học tập, CLB sức khỏe và sinh sản vị thành niên.	Hoạt động giáo dục NGLL, hướng nghiệp dạy nghề, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học tập, CLB sức khỏe và sinh sản vị thành niên.	Hoạt động giáo dục NGLL, hướng nghiệp dạy nghề, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học tập, CLB sức khỏe và sinh sản vị thành niên.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	HK:- Tốt: 66,0% - Khá: 31,0% - TB: 5,0% HL: - Giỏi: 3,0% - Khá: 61,5% - TB: 34,0% - Yếu: 4,5%	HK:- Tốt: 70,0% - Khá: 26,0% - TB: 4,0% HL: - Giỏi: 2,0% - Khá: 63,0% - TB: 24,0% - Yếu: 1,0%	HK: - Tốt:89,0% - Khá:11,0% - TB: 0,0% HL: - Giỏi: 4,0% - Khá: 55,0% - TB: 41,0% - Yếu: 0,0%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	LL thẳng:95,5%	LL thẳng:99,0%	LL thẳng:100%

PHỤ LỤC 2
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường trung học phổ thông Đoàn Kết, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	268	143	86	39	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	227 (84.7%)	125 (87.41%)	70 (81.4%)	32 (82.05%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40 (14.93%)	17 (11.89%)	16 (18.6%)	7 (17.95%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.37%)	1 (0.7%)	0	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	268	143	86	39	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5 (1,87%)	0 0	4 (4.65%)	1 (2.56%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	107 (39.93%)	53 (37.06%)	39 (45,35%)	15 (38.46%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	136 (50.75%)	50 (55.94%)	33 (38.37%)	23 (58.97%)	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	20 (7.46%)	10 (6.99%)	10 (11,63%)	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm học 2021 - 2022	268	143	86	39	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5 (1,87%)	0 0	4 (4.65%)	1 (2.56%)	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	107 (39,93%)	53 (37.06%)	39 (45,35%)	15 (38.46%)	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	20 (8.73%)	10 (6.99%)	10 (11.63%)		

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0,75%)	0	1 (1.16%)	1 (2.56%)	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	22 (7.59%)	14 (7.14%)	5 (5.49%)	3 (7.14%)	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	39			39	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	38			38	
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình(Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	26 (68.42%)			26 (68.42%)	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	160/108	81/62	62/24	17/22	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

PHỤ LỤC 3**I. Công khai thông tin cơ sở vật chất trường THPT Đoàn Kết năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	12	54m ² / phòng học
II	Loại phòng học	12	
1	Phòng học kiên cố	12	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	3	
5.1	Phòng tổ tự nhiên	1	
5.2	Phòng tổ xã hội	1	
5.3	Phòng Tin học	1	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp / phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/ lớp	45	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	13000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	800	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	648	54m ² / phòng
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	162	54m ² / phòng
3	Diện tích thư viện (m ²)	54	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	Chưa có	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	54	
6	Phòng Y tế	54	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định.	28	
1.1	Khối lớp 10	10	

1.2	Khối lớp 11	10	
1.3	Khối lớp 12	8	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí(diện tích thiết bị)		

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính/bộ)	30	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	3	
3	Đầu video/ đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/ projector/ vật thể	12	
5	Thiết bị khác		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	17	Số thiết bị / lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	3	
3	Đầu video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/ projector/ vật thể	12	
5	Thiết bị khác		

STT	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/ chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh	1	20	
XIII	Khu nội trú	0	0	
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m²/ học sinh

1	Đạt chuẩn vệ sinh *	Đạt chuẩn	Chung	Nam /Nữ Nam riêng, nữ riêng	Chung	Nam/Nữ 0,15m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *					

(*Theo Thông tư số 122011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT ban hành điều lệ trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y Tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh.

STT	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

II. Kế hoạch xây dựng, bổ sung, mua sắm cơ sở vật chất trường THPT Đoàn Kết năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Ghi chú
I	Số phòng học	12	54m ² / phòng học	
II	Loại phòng học	12		
1	Phòng học kiên cố	12		
2	Phòng học bán kiên cố	0		
3	Phòng học tạm	0		
4	Phòng học nhờ	0		
5	Số phòng học bộ môn	3		
5.1	Phòng tổ tự nhiên	1		Tầng 01 phòng so với năm học 2022-2023
5.2	Phòng tổ xã hội	1		
5.3	Phòng Tin học	1		
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0		

7	Bình quân lớp / phòng học	1		
8	Bình quân học sinh/ lớp	45		
III	Số điểm trường	01		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	13000		
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	800		
VI	Tổng diện tích các phòng			
1	Diện tích phòng học (m ²)	648	54m ² / phòng	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	162	54m ² / phòng	
3	Diện tích thư viện (m ²)	54		
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	Chưa có		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	54		
6	Phòng Y tế	54		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)			
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định.	28		
1.1	Khối lớp 10	10		Tăng 05 bộ so với năm học 2022-2023
1.2	Khối lớp 11	10		Tăng 02 bộ so với năm học 2022-2023
1.3	Khối lớp 12	8		Tăng 02 bộ so với năm học 2022-2023

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính/bộ)	30	Tăng 15 bộ so với năm học 2022-2023
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		

1	Ti vi	3	Tăng 04 bộ so với năm học 2022-2023
2	Cát xét	3	
3	Đầu video/ đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/ projector/ vật thể	12	
5	Thiết bị khác		

Trường THPT Đoàn Kết cam kết bổ sung các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo theo quy định; đáp ứng yêu cầu để triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018.

PHỤ LỤC 4

I. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung phổ thông Đoàn Kết, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TB	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	25	0	1	19	0	0	0				1	23	0	0
I	Giáo viên Trong đó	19		1	18							0	18	0	0
1	Toán	3			3								3		
2	Lý	1		1									1		
3	Hóa	1			1								1		
4	Tiếng anh	3			3								3		
5	Sinh học	1			1								1		
6	Ngữ văn	2			2								2		
7	Lịch sử	2			2								2		
8	Địa lý	2			2								2		
9	GDCD/KTPL	1			1								1		
10	Công nghệ	1			1								1		
11	Tin học	1			1								1		
12	Thử dục/ GDQPAN	1			1								1		
II	Cán bộ quản lý	1			1							1			
1	Hiệu trưởng	1			1							1			
2	Phó hiệu trưởng														
III	Nhân viên	5			2	1							5		
1	Nhân viên văn thư	1			1								1		
2	Nhân viên kế toán	1			1								1		
3	Thủ quỹ	1			1								1		

4	Nhân viên y tế	0					0							
5	Nhân viên thư viện	0					0							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												
9	Nhân viên bảo vệ	1					1					1		
10	Nhân viên phục vụ	1					1					1		

II. Kế hoạch tuyển dụng, bổ sung đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học phổ thông Đoàn Kết năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Đội ngũ giáo viên		Ghi chú
			GV cơ hữu	GV thỉnh giảng	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28			
I	Giáo viên	21	14	7	
	Trong đó				
1	Toán	3	3	0	
2	Lý	1	1	0	
3	Hóa	1	1	0	
4	Tiếng Anh	3	3	0	
5	Sinh học	1	1	0	
6	Ngữ văn	2	2	0	
7	Lịch sử	2	0	2	
8	Địa lý	2	0	2	
9	GDCD/KTPL	1	1	1	
10	Công nghệ	1	0	1	
11	Tin học	1	1	0	
12	Thể dục/ GDAN-QP	2	1	1	
II	Cán bộ quản lý	1			
1	Hiệu trưởng	1			

2	Phó hiệu trưởng				
III	Nhân viên	6			
1	Nhân viên văn thư	1			
2	Nhân viên kế toán	1			
3	Thủ quỹ	1			
4	Nhân viên y tế	1			
5	Nhân viên thư viện	0			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0			
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0			
9	Nhân viên bảo vệ	1			
10	Nhân viên phục vụ	1			

Trường THPT Đoàn Kết cam kết đảm bảo đủ số lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường; đáp ứng yêu cầu để triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018./.